

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Biên Cương;
- Ông Sa Quang Phụng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Hà Lập Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị **Lộc Thị T**, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Thôn B 2, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

2, Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Thôn B 2, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lộc Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn B 2, xã C, huyện V. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, từ tháng 9/2017 đến nay chị và anh C đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Lộc Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh C chưa có con chung

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lộc Thị T: Xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST- HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn C vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị Lộc Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn B 2, xã C, huyện V. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, từ tháng 9/2017 đến nay chị T và anh C đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa.

Qua xác minh nơi cư trú của anh C và chị T xác nhận trong thời gian anh chị chung sống nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 9-2017 chị T và anh C sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu

cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, được chấp nhận. Xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn anh Trần Văn C theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh C chưa có con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết

[5] Về án phí: Nguyên đơn Lộc Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về án phí: Chị Lộc Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2013/04127 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lộc Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

